

Số: 03 /2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây viết tắt là Quỹ BVMTVN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP).

2. Quỹ BVMTVN và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động vay vốn và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ BVMTVN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây hiểu như sau:

1. Chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý và sử dụng vốn để thực hiện các dự án bảo vệ môi trường.
2. Cho vay với lãi suất ưu đãi là hình thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước thông qua Quỹ BVMTVN cho chủ đầu tư vay vốn với lãi suất ưu đãi để thực hiện các dự án bảo vệ môi trường tại Việt Nam.
3. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư (hỗ trợ lãi suất vay vốn) là hình thức hỗ trợ tài chính không hoàn lại của Nhà nước thông qua Quỹ BVMTVN để hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư đã thực hiện dự án bảo vệ môi trường bằng vốn vay từ các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.
4. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian tính từ khi Chủ đầu tư nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết vốn vay được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.
5. Kỳ hạn trả nợ là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Chủ đầu tư vay vốn phải trả nợ một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi cho Quỹ BVMTVN.
6. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian từ khi rút vốn lần đầu đến khi dự án bắt đầu trả nợ gốc và được xác định phù hợp với thời gian xây dựng dự án. Trong thời hạn ân hạn, chủ đầu tư chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả nợ lãi.
7. Nợ quá hạn là một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi vay đến kỳ hạn trả nợ Chủ đầu tư không thực hiện ngay nghĩa vụ của mình đối với Quỹ BVMTVN.
8. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ BVMTVN và Chủ đầu tư thỏa thuận về việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ đã quy định trước đó trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.
9. Gia hạn nợ vay là việc Quỹ BVMTVN chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi vượt quá thời hạn cho vay đã quy định trước đó trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.
10. Khoanh nợ là việc Quỹ BVMTVN chưa thu nợ của Chủ đầu tư và không tính lãi tiền vay phát sinh trong thời gian được khoanh nợ.
11. Xóa nợ (gốc, lãi) là việc Quỹ BVMTVN không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của Chủ đầu tư đang còn dư nợ tại Quỹ BVMTVN.
12. Dự phòng rủi ro là khoản tiền được Quỹ BVMTVN trích lập từ chi phí để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của Quỹ BVMTVN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Điều 4. Nguyên tắc vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.
2. Hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.
3. Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư một lần đối với số vốn vay đầu tư (không bao gồm các khoản nợ quá hạn) trong phạm vi tổng mức đầu tư của một dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Đồng tiền cho vay, trả nợ, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

Đồng tiền cho vay với lãi suất ưu đãi, trả nợ, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là đồng Việt Nam.

Chương II

CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Điều 6. Mức vốn vay, mục đích sử dụng vốn vay

1. Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư bảo vệ môi trường được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa theo quy định tại Khoản 1 điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP.
2. Mức cho vay vốn đối với một dự án tối đa không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Quỹ BVMTVN tại thời điểm cho vay.
3. Mức cho vay vốn đối với một Chủ đầu tư tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có của Quỹ BVMTVN tại thời điểm cho vay trừ trường hợp đối với những khoản cho vay từ các nguồn vốn uỷ thác, ủy quyền của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân.
4. Vốn vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục, công việc của dự án vay vốn, trong đó ưu tiên sử dụng vốn vay đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị, công nghệ.

Điều 7. Mức tiền cho vay trên giá trị tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh

Quỹ BVMTVN căn cứ vào giá trị của tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh đã được định giá để xác định số tiền cho vay. Số tiền cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp, cầm cố và tài sản bảo lãnh đã được xác định và ghi trên hợp đồng tín dụng dự án đầu tư bảo vệ môi trường. Trường hợp Chủ đầu tư đảm bảo tiền vay bằng bảo lãnh ngân hàng thì mức cho vay tối đa bằng 100% giá trị bảo lãnh.

Điều 8. Thời hạn vay, thời hạn ân hạn

1. Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của Chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 10 năm và không vượt quá thời gian hoạt động của doanh nghiệp.
2. Thời hạn ân hạn cho một dự án tối đa là 02 năm.

Điều 9. Lãi suất

1. Lãi suất vay do Quỹ BVMTVN quy định nhưng không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay.

2. Đối với một dự án, lãi suất vay vốn được xác định tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường và cố định trong suốt thời gian vay.

3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường, được tính trên số nợ gốc và lãi chậm trả.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

1. Quỹ BVMTVN áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Một khoản vay có thể được bảo đảm bằng nhiều tài sản khác nhau.

Điều 11. Hồ sơ vay vốn

1. Hồ sơ pháp lý

a) 01 bản chính Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

c) 01 bản sao hoặc Quyết định bổ nhiệm và giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng;

d) 01 bản sao Điều lệ tổ chức hoạt động (nếu có);

đ) 01 bản sao Quyết định thành lập (nếu có);

e) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Hồ sơ tài chính

a) 01 bản sao Báo cáo tài chính trong 03 năm gần nhất. Đối với các dự án có mức vay từ 05 tỷ đồng trở lên yêu cầu báo cáo tài chính phải được kiểm toán;

b) 01 bản chính Phương án sản xuất kinh doanh của Chủ đầu tư tương ứng với thời gian vay;

c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Hồ sơ dự án

a) 01 bản chính dự án hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP;

b) Bản sao công chứng Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi

tiết hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c) 01 bản chính Quyết định phê duyệt Tổng mức đầu tư dự án;

d) 01 bản sao Giấy phép xây dựng (nếu có);

đ) Các giấy tờ khác liên quan đến dự án (nếu có).

4. Hồ sơ đảm bảo tiền vay

a) Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp kèm bảng kê (giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản...);

b) Giấy xác nhận bên bảo lãnh trong trường hợp được bên thứ ba bảo lãnh.

Điều 12. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ vay vốn

1. Chủ dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến (nếu có) đến Quỹ BVMVN.

2. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ vay vốn, Quỹ BVMVN kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Sau 07 ngày làm việc, Quỹ BVMVN gửi thông báo cho Chủ đầu tư kết quả kiểm tra của hồ sơ vay vốn.

Điều 13. Thẩm định hồ sơ vay vốn

Quỹ BVMTVN tổ chức thẩm định hồ sơ vay vốn trong thời gian 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Riêng đối với dự án đầu tư phức tạp thời gian thẩm định có thể kéo dài nhưng không quá 55 ngày làm việc.

1. Thẩm định hồ sơ dự án

a) Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, chính xác về nội dung, số liệu trong các văn bản, tài liệu về dự án và Chủ đầu tư;

b) Kiểm tra việc hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng của Dự án;

c) Nhận xét, đánh giá trình tự thực hiện, thẩm quyền ban hành các loại văn bản, tài liệu liên quan đến dự án theo quy định.

2. Thẩm định năng lực Chủ đầu tư

a) Năng lực, kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và điều hành dự án của Chủ đầu tư;

b) Khả năng tài chính và khả năng trả nợ trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn;

c) Uy tín của Chủ đầu tư trong quan hệ tín dụng với Quỹ và các tổ chức cho vay khác.

3. Thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay